

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **310/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 14-09-2018

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phú;
2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lưu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2018/TLST-HNGĐ ngày 07/6/2018, về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 352/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 385/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 423/2018/TB-TA ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà May Sa M, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 50, ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Châu M1 (Min), sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 50, ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà May Sa M và ông Châu M1 đều vắng mặt; bà May Sa M có đơn yêu cầu không tham gia phiên tòa, ông Châu M1 vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà May Sa M; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Hôn nhân của bà May Sa M với ông Châu M1 tự tìm hiểu, quen biết nhau và tiến đến hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã C, thị xã T, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 42/HT ngày 17/10/2008.

Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do bất đồng quan điểm sống, ông Châu M1 thường uống rượu, gây gổ và nhiều lần có lời lẽ xúc phạm. Hai người đã ly thân nhau từ

năm 2015. Do đó, bà May Sa M yêu cầu được ly hôn với ông Châu M1.

Về con chung: Bà May Sa M và ông Châu M1 có 01 con chung tên Ha Sa N, sinh ngày 19/01/2010, hiện nay cháu N sinh sống cùng bà M.

Bà M yêu cầu được nuôi dạy con chung sau ly hôn, không yêu cầu ông M1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Châu M1 không tham gia phiên họp công khai, tài liệu chứng cứ và hòa giải, nên không thể ghi nhận ý kiến của ông Châu M1.

Về chứng cứ:

Bà May Sa M cung cấp: Trích lục kết hôn ngày 30/5/2018 của UBND xã C; Trích lục khai sinh cháu Ha Sa N; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Châu M1; Giấy chứng minh nhân dân mang tên May Sa M và Đơn yêu cầu không tham gia phiên tòa.

Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân và nơi cư trú của ông Châu M1; ghi nhận nguyện vọng của cháu Ha Sa N.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bà May Sa M có đơn yêu cầu không tham gia phiên tòa, ông Châu M1 vắng mặt lần thứ hai không lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà May Sa M với ông Châu M1 đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung sau ly hôn của bà May Sa M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tiến hành công khai tài liệu, chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Ông Châu M1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông Châu M1 đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng; bà May Sa M có đơn yêu cầu không tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Hôn nhân giữa bà May Sa M với ông Châu M1 có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, thị xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2008. Bà May Sa M xin ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung, ông Châu M1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú theo quy định tại các Điều 29, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Về tình cảm: Bà May Sa M xác định nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm là do ông Châu M1 không lo làm ăn, thường nhậu nhẹt cần quấy, thiếu quan tâm chăm lo gia đình, thường cự cãi và ông Châu M1 thường dùng lời lẽ xúc phạm. Gia đình đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông M1 không sửa đổi. Qua xác minh cho thấy, bà M và ông M1 thường hay cự cãi và hai người đã ly thân từ khoảng năm 2015. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà M với ông M1 đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà M và ông M1 có 01 con chung tên Ha Sa N, sinh ngày 19/01/2010. Hiện nay, con chung đang sinh sống cùng bà M. Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 18/7/2018, cháu Ha Sa N có nguyện vọng sống cùng bà M sau ly hôn; bà M cũng có điều kiện nuôi, nên giao cháu Ha sa N cho bà M tiếp tục nuôi dạy sẽ đảm bảo quyền và lợi ích của cháu Ha Sa N.

Công nhận sự tự nguyện của bà May Sa M không yêu cầu ông Châu M1 cấp dưỡng để nuôi con chung.

Tuy nhiên, bà Mah cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở ông M1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà May Sa M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, nếu ông Châu M1 có tài liệu, chứng cứ chứng minh là có tài sản chung hoặc nợ chung thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu ông Châu M1 có yêu cầu thì sẽ được thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về chi phí tố tụng:

Bà May Sa M là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm;

Các đương sự không phải chịu chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà May Sa M được ly hôn với ông Châu M1.

Về con chung: Bà May Sa M được tiếp tục nuôi cháu Ha Sa N sinh ngày 19 tháng 01 năm 2010.

Công nhận sự tự nguyện của bà May Sa M không yêu cầu ông Châu M1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Bà May Sa M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003013 ngày 05/6/2018. (Bà May Sa Mah đã nộp đủ).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện A (2);
- THADS huyện A (1);
- Các đương sự (1);
- UBND xã C (1);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Văn Sáu